

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3823 /QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 29 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

UBND HUYỆN BÀU BÀNG Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Bầu Bàng

ĐẾN Số: 1286
Ngày: 5/2/18
Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 15/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1051/TTr-STNMT ngày 26/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Bầu Bàng, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm 2018 (Đính kèm phụ lục 1).
2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2018:
 - a) Diện tích thu hồi đất năm 2018 (Đính kèm phụ lục 2).
 - b) Danh mục công trình thu hồi đất năm 2018 (Đính kèm phụ lục 2a).
 - c) Vị trí các khu thu hồi đất được xác định theo bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Bầu Bàng tỷ lệ 1/25.000 và Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Bầu Bàng.
3. Kế chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018:
 - a) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018 (Đính kèm phụ lục 3).
 - b) Danh mục công trình chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018 (Đính kèm phụ lục 3a).
 - c) Vị trí các khu đất chuyển mục đích sử dụng đất được xác định theo bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Bầu Bàng tỷ lệ 1/25.000 và Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Bầu Bàng.





4. Quỹ đất sử dụng thanh toán cho dự án xây dựng - chuyển giao (BT)
(Đính kèm phụ lục 4).

Điều 2. Căn cứ Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.
2. Thực hiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thẩm quyền theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.
3. Bám sát, chỉ đạo và phối hợp với các ban ngành của huyện xây dựng các biện pháp cụ thể để quản lý, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; khắc phục tình trạng “quy hoạch treo”; theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo định kỳ hàng quý, 06 tháng.
4. Áp dụng đồng bộ các chính sách về đất đai như: giao đất, cho thuê đất, thuê sử dụng đất và các khoản thu từ đất; cụ thể hóa quy định của các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; ...
5. Khuyến khích người sử dụng đất chủ động đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng bằng nhiều hình thức thích hợp.
6. Thực hiện tốt việc bồi thường và hỗ trợ bồi thường đối với người dân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có đất bị thu hồi, đặc biệt đối với các hộ dân bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp với diện tích lớn, phải chuyển đổi ngành nghề.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Công thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Chỉ huy Trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng; Thủ trưởng các ban ngành, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

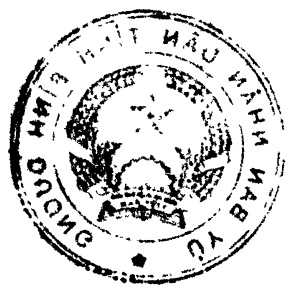
Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT, TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- UBND huyện Bàu Bàng;
- LĐVP, CV, Tn, TH;
- Lưu: VT.



Mai Hùng Dũng



Phụ lục 1: KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 HUYỆN BÀU BÀNG - TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 2823/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính							
			Tổng diện tích	Cây Trồng 2	Trừ Văn Thố	Tân Hưng	Long Nguyên	Lai Uyên	Lai Hưng	Hưng Hòa
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(11)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Tổng diện tích tự nhiên		34.002,11	4.464,13	2.764,48	3.299,21	7.541,37	8.835,93	4.777,20	2.319,79
1	Đất nông nghiệp	NNP	26.424,31	3.004,65	2.295,84	3.112,24	6.878,86	5.508,60	3.509,63	2.114,49
1.1	Đất trồng lúa	LUA								
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC								
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	629,61		66,09	29,37	128,44	94,11	290,89	20,72
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	25.599,92	2.980,53	2.196,38	3.079,74	6.678,87	5.362,75	3.208,89	2.092,77
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH								
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD								
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX								
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	12,76		1,61		3,79	6,46	0,90	
1.8	Đất làm muối	LMU								
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	182,02	24,12	31,76	3,13	67,77	45,29	8,95	1,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7.577,80	1.459,48	468,64	186,97	662,51	3.327,33	1.267,58	205,29
2.1	Đất quốc phòng	CQP	31,44			0,58		0,50	28,44	1,92
2.2	Đất an ninh	CAN	43,57		0,32	1,00	0,27	6,00	0,30	35,68
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	2.591,26	1.008,00				1.422,90	160,36	
2.4	Đất khu chế xuất	SKT								
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN								
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	80,09	10,31	1,24	1,19	3,95	38,70	20,23	4,47
2.7	Đất cơ sở SX phi nông nghiệp	SKC	871,55	1,32	86,17	4,00	157,55	242,95	369,61	9,95
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động KS	SKS								
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1.930,93	260,33	294,43	120,42	211,48	663,29	292,06	88,92
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	22,61		0,44	1,82	0,14	9,00	7,31	3,90
-	Đất y tế	DYT	7,27	0,17	0,15	0,10	0,24	3,70	2,69	0,22
-	Đất giáo dục và đào tạo	DGD	53,58	2,95	3,03	1,49	3,46	29,13	9,13	4,39
-	Đất thể dục thể thao	DTT	11,16	1,11	1,98		4,19	2,31	1,57	
-	Đất khoa học và công nghệ	DKH								
-	Đất dịch vụ xã hội	DXH	0,37		0,37					
-	Đất giao thông	DGT	1.528,86	200,09	116,01	108,30	195,73	579,59	250,11	79,05
-	Đất thủy lợi	DTL	281,64	53,95	167,81	7,00	5,71	36,67	10,51	
-	Đất công trình năng lượng	DNL	18,53	1,61	4,05	0,69	0,31	1,25	10,38	0,24
-	Đất bưu chính viễn thông	DBV	0,77	0,11		0,04	0,09	0,18	0,17	0,18
-	Đất chợ	DCH	6,14	0,34	0,60	0,98	1,61	1,47	0,20	0,94
2.1	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	2,25					2,05	0,20	
2.1	Đất danh lam thắng cảnh	DDL								
2.1	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,61		0,46		1,97		0,18	

2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.559,81	119,85	70,70	50,14	137,32	819,00	313,29	44,50
2.1	Đất ở tại đô thị	ODT								
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	37,66	1,40	0,53	2,30	0,91	31,27	0,89	0,36
2.1	Đất xây dựng trụ sở của TCSN	DTS								
2.1	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG								
2.1	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,78	0,49	0,32	0,07	0,62	1,88	1,07	0,33
2.1	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	40,65	2,01	5,46	3,51	13,55	8,34	4,07	3,71
2.2	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	51,95				51,95			
2.2	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	6,21	0,64	0,65	1,98	1,25	1,10	0,45	0,14
2.2	Đất khu vui chơi, giải trí CC	DKV	67,44				0,12	61,77	5,55	
2.2	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,92				0,44	0,07	0,41	
2.2	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	226,61	55,13	8,36	1,78	80,89	27,05	38,09	15,31
2.2	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	27,61				0,24		27,37	
2.2	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,45					0,45		
3	Đất chưa sử dụng	CSD								
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN								
5	Đất khu kinh tế*	KKT								
6	Đất đô thị*	KDT								

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

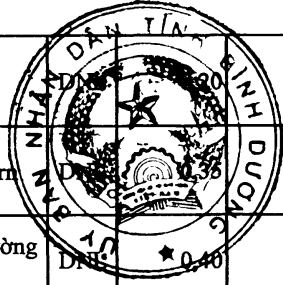
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS							
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG							
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON							
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD							
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX							
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH							
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV							
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN							
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON							
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC							
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK							
3	Đất chưa sử dụng	CSD							

-	Trường Tiểu học Kim Đồng	DGD	1,60		1,60	CLN	Lai Hưng	tờ bản đồ số 48	Ngân sách	Ban quản lý dự án Huyện	Quyết định số 1465/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Trường Tiểu học Kim Đồng, huyện Bàu Bàng
-	Mở rộng trường học (phân hiệu 8, ấp Đồng Chèo)	DGD	0,78	0,22	0,56	CLN	Lai Uyên	thửa đất số 55, 1 phần thửa đất số 171, tờ bản đồ số 10	Ngân sách	Ban quản lý dự án Huyện	Văn bản 3690/CSVN-KHĐT ngày 30/11/2016 của Tập đoàn công nghiệp cao su VN v/v ý kiến về diện tích, trình tự thu hồi đất các công ty cao su
-	Trường tiểu học Bàu Bàng	DGD	1,60		1,60	CLN	Lai Uyên	thửa đất số 989, tờ bản đồ số 56	Ngân sách	Ban quản lý dự án Huyện	Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
-	Trung tâm VH TT huyện Bàu Bàng	DVH	4,00		4,00	CLN	Lai Uyên	1 phần thửa đất số 5905, tờ bản đồ số 42	Ngân sách	Ban quản lý dự án Huyện	Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về KH đầu tư công trung hạn GD 2016-2020
-	Trung tâm văn hóa thể thao (Liên đoàn lao động Tỉnh)	DVH	3,00		3,00	CLN	Lai Uyên	1 phần thửa đất số 5905, tờ bản đồ số 42	Ngân sách	Liên đoàn Lao động Tỉnh	Thông báo số 146/TB-UBND ngày 06/10/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc đầu tư Trung tâm thể thao công nhân lao động
-	Nhà văn hóa và Hội trường ấp 3	DVH	0,32		0,32	DGD	Trù Văn Thố	thửa đất số 59, tờ bản đồ số 13	Ngân sách	Ban quản lý dự án Huyện	Quyết định số 2538/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình cải tạo cơ sở cơ sở văn phòng ấp 3 thành Trung tâm văn hóa xã Trù Văn Thố
-	Đường giao thông	DGT	0,02		0,02	CLN	Lai Uyên	01 phần thửa đất số 05, tờ bản đồ số 14	XHH	Phòng Quản lý Đô thị	Công văn số 3062/UBND-KT ngày 08/11/2017 về việc giải quyết trường hợp xin hiến đất làm đường giao thông công cộng của hộ ông Võ Văn Giàu
-	Đường giao thông từ nhà ông Mười Lượm - Lô cao su	DGT	0,004		0,004	CLN	Tân Hưng	tờ bản đồ số 14	XHH	Phòng Quản lý Đô thị	Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của Chủ tịch UBND huyện v/v phê duyệt chủ trương đầu tư DA: BTXM đường phân ô ấp 1, xã Tân Hưng
-	Đường tổ 7, ấp Cây Sắn (Nhà ông Ôn đến nhà ông Tính) (gần nhà anh Tuấn)	DGT	0,88		0,88	CLN	Lai Uyên	tờ bản đồ số 16, 17, 23	XHH	Phòng Quản lý Đô thị	Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công tổng dự toán của công trình xây dựng đường giao thông nông thôn đường tổ 7,
-	Đường liên ấp Xà Mách - Cây Sắn (Nhà ông Út Dân đến nhà ông 6 Bảo) (đường nhựa UB gần nhà anh Thành)	DGT	0,24		0,24	CLN	Lai Uyên	tờ bản đồ số 14	XHH	Phòng Quản lý Đô thị	Đường đi hiện hữu do UBND xã quản lý, đưa vào danh sách để thu hồi đất
-	Đường Tổ 6 ấp Bàu Lòng (Nhà bà 6 Bình Long đến nhà ông Lễ)	DGT	0,19		0,19	CLN	Lai Uyên	tờ bản đồ số 04	XHH	Phòng Quản lý Đô thị	Quyết định số 2842/QĐ-UBND ngày 20/7/2010 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công tổng dự toán của công trình xây dựng



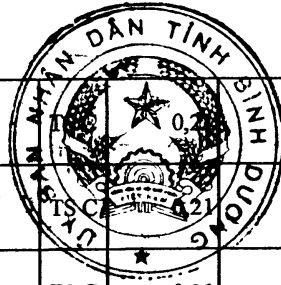
-	Đường Tổ 3 ấp Đồng Chèo (VP ấp Đồng Chèo đến giáp đường lộ Nông trường Cao su Lai Uyên)	DGT	0,57	0,57	CLN	Lai Uyên	tờ bản đồ số 38	XHH	Phòng Quản lý Đô thị	Quyết định số 2681/QĐ-UBND ngày 22/08/2008 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công tổng dự toán của công trình xây dựng đường giao thông tổ 3 ấp Đồng Chèo
-	Đường Tổ 01 ấp Đồng Sỏ (QL13 đến đất nhà ông Mí và giáp đường giao thông nông thôn 6m) đường vô nghĩa địa	DGT	0,24	0,24	CLN	Lai Uyên	tờ bản đồ số 43	XHH	Phòng Quản lý Đô thị	Quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 10/06/2009 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công tổng dự toán của công trình xây dựng mới đường tổ 1, ấp Đồng Sỏ
-	Đường giáp đất ông Cừ	DGT	0,06	0,06	CLN	Long Nguyên	thửa đất số 32, tờ bản đồ số 251	XHH	Phòng Quản lý Đô thị	Đường đi hiện hữu do UBND xã quản lý, đưa vào danh sách để thu hồi đất
-	Đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng (đoạn từ ĐT 750 đến KCN Bàu Bàng)	DGT	45,60	45,60	CLN	Lai Uyên		Doanh nghiệp	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Tỉnh	Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư GPMB công trình Đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng, dự án TTHC huyện Bàu Bàng, huyện Bắc Tân Uyên
-	Đường giao thông nông thôn ấp Hồ Muôn	DGT	2,40	2,40	CLN	Long Nguyên	Lô 40,51,52	Ngân sách	UBND huyện Bàu Bàng	Văn bản 3690/CSVN-KHĐT ngày 30/11/2016 của Tập đoàn công nghiệp cao su VN v/v ý kiến về diện tích, trình tự thu hồi đất các công ty cao su
-	Đường giao thông nông thôn ấp Long Thành	DGT	2,40	2,40	CLN	Long Nguyên	Lô 59,60,61,43,54	Ngân sách	UBND huyện Bàu Bàng	Văn bản 3690/CSVN-KHĐT ngày 30/11/2016 của Tập đoàn công nghiệp cao su VN v/v ý kiến về diện tích, trình tự thu hồi đất các công ty cao su
-	Dự án tuyến ống dẫn nước về trung tâm đô thị Bắc Bình Dương	DTL	22,20	22,20	CLN	Lai Hưng, Lai Uyên, Tân Hưng, Trừ Văn Thố	tờ bản đồ số 38, 39 (xã Lai Hưng); tờ bản đồ số 1, 5, 6, 15, 16, 23, 24, 25, 26, 37 (xã Lai Uyên); tờ bản đồ số 2, 8, 9, 15, 16 (xã Tân Hưng); tờ bản đồ số 14, 20, 24 (xã Trừ Văn	Doanh nghiệp	Công ty cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	Công văn số 2986/UBND-KT ngày 31/10/2017 của UBND huyện Bàu Bàng về việc lập danh mục công trình dự án phải thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh và lập kế hoạch sử dụng đất năm 2018 cấp huyện
-	Trạm cấp nước xã Tân Hưng	DTL	2,00	2,00	CLN	Tân Hưng	thửa đất số 141, 133 tờ bản đồ số 25	Doanh nghiệp	UBND huyện Bàu Bàng	Văn bản 3690/CSVN-KHĐT ngày 30/11/2016 của Tập đoàn công nghiệp cao su VN v/v ý kiến về diện tích, trình tự thu hồi đất các công ty cao su
-	Công trình trạm biến áp 110kV Bàu Bàng và đường dây 110kV Bàu Bàng - trạm 220 kV Bến Cát	DNL	0,70	0,70	CLN	Lai Hưng, Lai Uyên	KCN Bàu Bàng thuộc tổng công ty BECAMEX IDC	Doanh nghiệp	Công ty Điện lực Bình Dương	CV 4559/PCBD-KHVT của công ty điện lực Bình Dương ngày 31/10/2017 v/v đăng ký KHSDĐ 2018

-	Công trình trạm biến áp 110kV Bàu Bàng 2 và đường dây đầu nối	DNL	0,70	0,70	CLN	Lai Hưng	KCN Bàu Bàng thuộc tổng công ty BECAMEX IDC	Doanh nghiệp	Công ty Điện lực Bình Dương	CV 4559/PCBD-KHVT của công ty điện lực Bình Dương ngày 31/10/2017 v/v đăng ký KHSĐĐ 2018
*	Công trình chuyển tiếp									
-	Đường giao thông ấp Hồ Muôn	DGT	0,88	0,88	CLN	Long Nguyên	Đường nhà Ô.Bàng --> nhà Ô.Sơn	Ngân sách	Phòng Quản lý Đô thị	NQ số 14/NQ-HĐND ngày 2017 v/v điều chỉnh bổ sung NQ 59
-	Đường giao thông ấp Mương Đào	DGT	0,03	0,03	CLN	Long Nguyên	thửa đất số 172, tờ bản đồ số 66	Ngân sách	Phòng Quản lý Đô thị	NQ số 14/NQ-HĐND ngày 2017 v/v điều chỉnh bổ sung NQ 59
-	Đường tổ 4, 5 ấp Nhà Mát	DGT	2,20	2,20	CLN	Long Nguyên	Đường nhà Ô.Bào --> nhà bà Lài	Ngân sách	Phòng Quản lý Đô thị	Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của UBND huyện về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng
-	Đường giao thông nông thôn ấp Suối Tre	DGT	0,01	0,01	CLN	Long Nguyên	Đường nhà Ô.Thiện --> nhà Ô.Tuấn	Ngân sách	Phòng Quản lý Đô thị	NQ số 14/NQ-HĐND ngày 2017 v/v điều chỉnh bổ sung NQ 59
-	Đường GT tuyến ông Hoàng - cầu Bến Than	DGT	1,50	1,50	CLN	Cây Trường 2	tờ bản đồ số 20	Ngân sách	Phòng Quản lý Đô thị	Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của UBND huyện về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng
-	Trường mầm non Ánh Dương	DGD	1,71	1,71	CLN	Lai Uyên	tờ bản đồ số 54	Ngân sách	Ban Quản lý Dự án huyện	NQ số 14/NQ-HĐND ngày 2017 v/v điều chỉnh bổ sung NQ 59; Đất công ty Becamex đã bàn giao (Đã xây dựng và đi vào hoạt động)
-	Trường mầm non Sao Mai	DGD	0,41	0,41	CLN	Long Nguyên	tờ bản đồ số 7	Ngân sách	Thu hồi đất công ty cao su	Văn bản 3690/CSVN-KHĐT ngày 30/11/2016 của Tập đoàn công nghiệp cao su VN v/v ý kiến về diện tích, trình tự thu hồi đất các công ty cao su
-	Khu di tích lịch sử Dinh Điền 2	DVH	0,12	0,12	CLN	Trừ Văn Thố	thửa đất số 52, tờ bản đồ số 13	Ngân sách	Ban Quản lý Dự án huyện	QĐ 860/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND huyện Bàu Bàng về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2017
-	Trung tâm văn hóa xã Lai Uyên	DVH	2,00	2,00	CLN	Lai Uyên	Một phần thửa đất số 5, tờ bản đồ số 6, 26	Ngân sách	Ban Quản lý Dự án huyện	Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND huyện Bàu Bàng về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2017
-	Công trình các lộ ra 110kV trạm biến áp 220kV Bến Cát	DNL	0,30	0,30	CLN	Lai Hưng	tờ bản đồ số DC 34, DC 25, DC 22DC15, DC11, DC10, DC40, DC 37	Doanh nghiệp	Công ty Điện lực Bình Dương	CV 4559/PCBD-KHVT của công ty điện lực Bình Dương ngày 31/10/2017 v/v đăng ký KHSĐĐ 2018

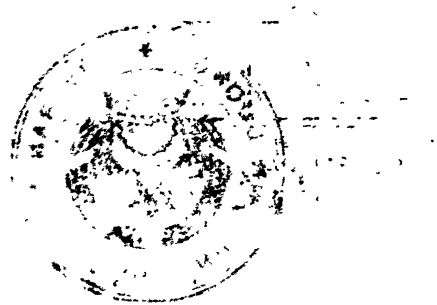


-	Nhánh rẽ TBA 110kV Bàu Bàng			0,20	CLN	Lai Hưng	KCN Bàu Bàng thuộc tổng công ty BECAMEX IDC	Doanh nghiệp	Công ty Điện lực Bình Dương	CV 4559/PCBD-KHVT của công ty điện lực Bình Dương ngày 31/10/2017 v/v đăng ký KHSDĐ 2018
-	Nhánh rẽ đấu nối TBA 110kV Far Eastern			0,35	CLN	Lai Hưng	KCN Bàu Bàng thuộc tổng công ty BECAMEX IDC	Doanh nghiệp	Công ty Điện lực Bình Dương	CV 4559/PCBD-KHVT của công ty điện lực Bình Dương ngày 31/10/2017 v/v đăng ký KHSDĐ 2018
-	Công trình TBA 110kV Lai Hưng và đường dây đấu nối			0,40	CLN	Lai Hưng	KCN Bàu Bàng thuộc tổng công ty BECAMEX IDC	Doanh nghiệp	Công ty Điện lực Bình Dương	CV 4559/PCBD-KHVT của công ty điện lực Bình Dương ngày 31/10/2017 v/v đăng ký KHSDĐ 2018
-	Công trình đường dây 110kV từ trạm 220kV Bến Cát đến trạm 220kV Chơn Thành	DNL	1,00	1,00	CLN	Lai Hưng, Lai Uyên, Trừ Văn Thố	KCN Bàu Bàng thuộc tổng công ty BECAMEX IDC	Doanh nghiệp	Công ty Điện lực Bình Dương	CV 4559/PCBD-KHVT của công ty điện lực Bình Dương ngày 31/10/2017 v/v đăng ký KHSDĐ 2018
-	Công trình TBA 110kV Thanh An và đường dây 110kV Thanh An - trạm 220kV Bến Cát	DNL	0,90	0,90	CLN	Lai Hưng		Doanh nghiệp	Công ty Điện lực Bình Dương	CV 4559/PCBD-KHVT của công ty điện lực Bình Dương ngày 31/10/2017 v/v đăng ký KHSDĐ 2018
-	Đường giao thông nông thôn liên ấp 2 - ấp 4	DGT	0,70	0,70	CLN	Trừ Văn Thố	thửa đất số 26,27,28,78,79,80, tờ bản đồ số 24	Xã hội hóa	Phòng Quản lý Đô thị	Đường đi hiện hữu do UBND xã quản lý, đưa vào danh sách để thu hồi đất
-	Trụ đầu nối trạm biến áp 220kV	DNL	0,08	0,08	CLN	Lai Hưng	thửa đất số 257, 2501, tờ bản đồ số 37	Doanh nghiệp	Công ty Điện lực Bình Dương	CV 4559/PCBD-KHVT của công ty điện lực Bình Dương ngày 31/10/2017 v/v đăng ký KHSDĐ 2018
-	Trung tâm văn hóa xã Lai Hưng	DVH	5,92	5,92	CLN	Lai Hưng	1 phần thửa đất số 38, tờ bản đồ số 40	Ngân sách	Thu hồi đất công ty cao su	Văn bản 3690/CSVN-KHĐT ngày 30/11/2016 của Tập đoàn công nghiệp cao su VN v/v ý kiến về diện tích, trình tự thu hồi đất các công ty cao su
-	Hệ thống cấp nước khu vực Bàu Bàng	DTL	43,00	43,00	CLN	Trừ Văn Thố, Lai Uyên		Doanh nghiệp	Công ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND8
-	Trường mầm non Hưng Hòa	DGD	2,00	2,00	CLN	Hưng Hòa	thửa đất số 72,73,74,75,76,77,78,79,84,85,89,90,91	Ngân sách	UBND huyện Bàu Bàng	Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24/01/217 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thu hồi khu đất công có diện tích 59291,3m2 do UBND xã Hưng Hòa quản lý để đầu tư xây dựng TT VHHT và trường mầm non
-	Khu VHHT xã Tân Hưng	DVH	1,82	1,82	CLN	Tân Hưng	tờ bản đồ số 25	Ngân sách	Thu hồi đất công ty cao su	Văn bản 3690/CSVN-KHĐT ngày 30/11/2016 của Tập đoàn công nghiệp cao su VN v/v ý kiến về diện tích, trình tự thu hồi đất các công ty cao su
-	Trung tâm y tế huyện Bàu Bàng	DYT	3,43	3,43	CLN	Lai Uyên	tờ bản đồ số 41	Ngân sách	Ban Quản lý Dự án Huyện	Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
-	Đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng	DGT	51,80	51,80	CLN	Lai Hưng, Lai Uyên	Tờ bản đồ số 18, 30, 38, 39,43 (Lai Hưng); tờ bản đồ số 43 (Lai Uyên)	Doanh nghiệp (XD - chgiao (BT))	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Tỉnh	Quyết định số 717a/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt dự án đầu tư giải phóng mặt bằng công trình đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến KCN Bàu Bàng)

-	Trạm biến áp 220kV	DNL	5,10		5,10	CLN	Lai Hưng	tờ bản đồ số 37	Doanh nghiệp	Công ty Điện lực Bình Dương	Công văn số 2424/UBND-KTN ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương
-	Trung tâm văn hóa - thể thao xã Hưng Hòa	DVH	3,90		3,90	CLN	Hưng Hòa	thửa đất số 72,73,74,75,76,77,78,79,84,85,89,90,91	Ngân sách	UBND huyện Bàu Bàng	Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thu hồi khu đất: công có diện tích 59291,3m2 do UBND xã Hưng Hòa quản lý để đầu tư xây dựng TT VHTT và trường mầm non
-	Chợ Tân Hưng	DCH	0,50		0,50	CLN	Tân Hưng	thửa đất số 134, tờ bản đồ số 25	Doanh nghiệp	Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Dịch vụ	Văn bản 3690/CSVN-KHĐT ngày 30/11/2016 của Tập đoàn công nghiệp cao su VN v/v ý kiến về diện tích, trình tự thu hồi đất các công ty cao su
II.2.2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan										
*	Đăng ký mới năm 2018										
-	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân xã Hưng Hòa	TSC	0,11		0,11	DYT	Hưng Hòa	thửa đất số 69, tờ bản đồ số 18	Ngân sách	Ban quản lý dự án Huyện	Quyết định số 2266/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Xây dựng Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Hưng Hòa
*	Công trình chuyển tiếp										
-	Hội trường Huyện, nhà ăn Huyện ủy	TS C	4,00		4,00	CLN	Lai Uyên	tờ bản đồ số 56	Ngân sách	Ban Quản lý Dự án Huyện	Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
-	Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng	TS C	0,50		0,50	CLN	Lai Uyên	tờ bản đồ số 56	Ngân sách	Ban Quản lý Dự án Huyện	Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
-	Trụ sở Chi cục thi hành án dân sự	TS C	0,21		0,21	CLN	Lai Uyên	tờ bản đồ số 56	Bộ tư pháp	Ban Quản lý Dự án Huyện	Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
-	Trụ sở Viện KSND huyện Bàu Bàng	TS C	0,27		0,27	CLN	Lai Uyên	thửa đất số 1959, tờ bản đồ số 56	Ngân sách	Ban Quản lý Dự án Huyện	Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
-	Trụ sở Kho bạc nhà nước Bàu Bàng	TS C	0,35		0,35	CLN	Lai Uyên	thửa đất số 1980, tờ bản đồ số 56	Ngân sách	Ban Quản lý Dự án Huyện	Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
-	Trụ sở Chi cục thuế huyện Bàu Bàng	TS C	0,21		0,21	CLN	Lai Uyên	tờ bản đồ số 56	Ngân sách	Ban Quản lý Dự án Huyện	Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
-	Trụ sở Trạm thú y, Trạm bảo vệ thực vật, Trạm khuyến nông	TS C	0,21		0,21	CLN	Lai Uyên	tờ bản đồ số 56	Ngân sách	Ban Quản lý Dự án Huyện	Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn



-	Trụ sở Chi cục thống kê			0,21	CLN	Lai Uyên	tờ bản đồ số 56	Ngân sách	Ban Quản lý Dự án Huyện	Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
-	Trụ sở Đài truyền thanh			0,21	CLN	Lai Uyên	tờ bản đồ số 56	Ngân sách	Ban Quản lý Dự án Huyện	Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
-	Trụ sở Đội quản lý thị trường	TS C	0,21	0,21	CLN	Lai Uyên	tờ bản đồ số 56	Ngân sách	Ban Quản lý Dự án Huyện	Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
-	Trụ sở Bảo hiểm xã hội	TS C	0,21	0,21	CLN	Lai Uyên	tờ bản đồ số 56	Ngân sách	Ban Quản lý Dự án Huyện	Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
-	Trụ sở Trung tâm bồi dưỡng lý luận chính trị	TS C	0,42	0,42	CLN	Lai Uyên	tờ bản đồ số 56	Ngân sách	Ban Quản lý Dự án Huyện	Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
-	Trụ sở Trung tâm lưu trữ	TS C	0,22	0,22	CLN	Lai Uyên	tờ bản đồ số 56	Ngân sách	Ban Quản lý Dự án Huyện	Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
-	Xí nghiệp công trình công cộng	TS C	0,61	0,61	CLN	Lai Uyên	tờ bản đồ số 41	Ngân sách	Ban Quản lý Dự án Huyện	Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
II.2.3	Đất sinh hoạt cộng đồng									
*	Công trình đăng ký mới năm 2018									
-	Văn phòng áp Bến Tượng	DSH	0,10	0,10	DGD	Lai Hưng	thửa đất số 161, tờ bản đồ số 20	Ngân sách	Ban quản lý dự án Huyện	Công văn số 3381/UBND-KTN ngày 14/09/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thu hồi một phần diện tích trường TH Lai Hưng B để xây dựng VP áp Bến
*	Công trình chuyển tiếp									
-	Văn phòng áp Đồng Chèo	DSH	0,30	0,30	CLN	Lai Uyên	1 phần thửa đất số 87, tờ bản đồ số 38		Ban Quản lý Dự án Huyện	Văn bản 3690/CSVN-KHĐT ngày 30/11/2016 của Tập đoàn công nghiệp cao su VN v/v ý kiến về diện tích, trình tự thu hồi đất các công ty cao su
-	Văn phòng áp Bàu Bàng	DSH	0,05	0,05	CLN	Lai Uyên	tờ bản đồ số 40		Ban Quản lý Dự án Huyện	Nghị quyết số 59/NQ-HĐND
II.2.4	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng									
*	Công trình đăng ký mới năm 2018									
-	Công viên văn hóa nghĩa trang huyện Bàu Bàng	NTD	3,00	3,00	CLN	Trừ Văn Thố		Ngân sách	Ban quản lý dự án Huyện	Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
*	Công trình chuyển tiếp									
-	Đất nghĩa địa cũ	NTD	1,50	1,50	CLN	Long Nguyên	thửa đất số 11, tờ bản đồ số 73		Thu hồi Đất công ty Cao su	Văn bản 3690/CSVN-KHĐT ngày 30/11/2016 của Tập đoàn công nghiệp cao su VN v/v ý kiến về diện tích, trình tự thu hồi đất các công ty cao su



PHỤ LỤC 3. KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2017 HUYỆN BÀU BÀNG

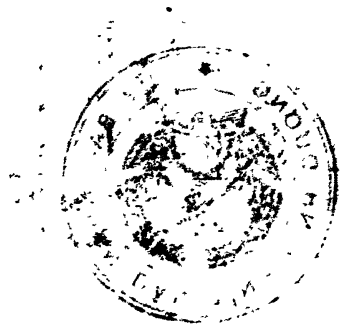
(Kèm theo Quyết định số 223 /QĐ-UBND ngày 20 /12 /2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Chi tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính							
			Cây Trường 2	Trừ Văn Thố	Tân Hưng	Long Nguyên	Lai Uyên	Lai Hưng	Hưng Hòa	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(11)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp		2.049,17	1.086,11	48,28	17,40	105,13	729,48	50,64	12,12
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN								
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN								
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	2,00		0,50		1,00		0,50	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	2.047,17	1.086,11	47,78	17,40	104,13	729,48	50,14	12,12
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN								
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN								
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN								
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN								
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN								
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN								
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		24,00	3,00	4,00	1,00	5,00	5,00	5,00	1,00
	<i>Trong đó:</i>									
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN								
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP								
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS								
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU								
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS								
2.6	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	CLN/NKH	24,00	3,00	4,00	1,00	5,00	5,00	5,00	1,00
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)								
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)								
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)								
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT								

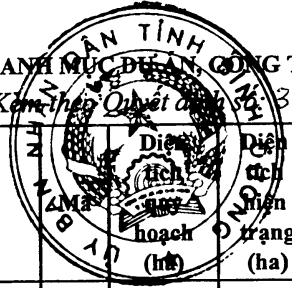
Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.



PHỤ LỤC 3a: DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CHUYÊN MỤC ĐÍCH TRONG NĂM 2018 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BÀU BÀNG

(Kèm theo Quyết định số 3823/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

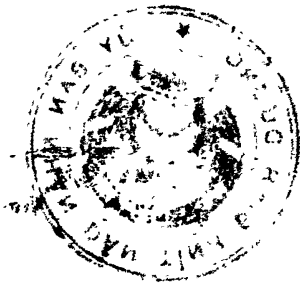


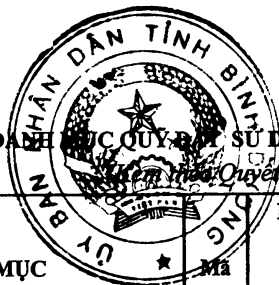
STT	HẠNG MỤC	Diện tích hoạch (ha)	Diện tích thực trạng (ha)	Tăng thêm		Xã	Vị trí: Số tờ, số thửa	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Văn bản pháp lý
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất					
I	Đất khu vui chơi giải trí công cộng									
-	Đất khu vui chơi giải trí công cộng (quỹ đất dự trữ)	DKV	15,00		15,00	CLN				
II	Đất nông nghiệp khác NKH									
-	Chuyển mục đích đất NKH ở các xã (hộ gia đình cá nhân)		24,00		24,00					
+	Đăng ký CMĐ đất NKH	NKH	3,00		3,00	CLN	Cây Trường 2			UBND xã đăng ký
+	Đăng ký CMĐ đất NKH	NKH	4,00		4,00	CLN	Trừ Văn Thố			CV 834/UBND-KT ngày 14/04/2017
+	Đăng ký CMĐ đất NKH	NKH	1,00		1,00	CLN	Tân Hưng			UBND xã đăng ký
+	Đăng ký CMĐ đất NKH	NKH	5,00		5,00	CLN	Long Nguyên			UBND xã đăng ký
+	Đăng ký CMĐ đất NKH	NKH	5,00		5,00	CLN	Lai Uyên			UBND xã đăng ký
+	Đăng ký CMĐ đất NKH	NKH	5,00		5,00	CLN	Lai Hưng			UBND xã đăng ký
+	Đăng ký CMĐ đất NKH	NKH	1,00		1,00	CLN	Hưng Hòa			UBND xã đăng ký
III	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp									
-	Dự án sản xuất tại xã Long Nguyên	SKC	80,00		80,00	CLN	Long Nguyên	Tờ bản đồ số 77	Doanh nghiệp	Doanh nghiệp đăng ký
-	Công ty TNHH tư vấn khảo sát và thiết kế xây dựng Khánh Ly	SKC	1,14		1,14	CLN	Long Nguyên	Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 32	Doanh nghiệp	Công ty TNHH tư vấn khảo sát và thiết kế xây dựng Khánh Ly Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 11/05/2017 của UBND tỉnh
-	Công ty TNHH MTV TMDV Nhà Bình An	SKC	1,26		1,26	CLN	Long Nguyên	Thửa đất số 343, tờ bản đồ số 47	Doanh nghiệp	Công ty TNHH MTV TMDV Nhà Bình An Quyết định chủ trương đầu tư số 3188/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 của UBND tỉnh
-	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Xuất nhập khẩu Toàn Thắng	SKC	0,42		0,42	CLN	Lai Hưng	Thửa đất số 1144, 1190 (gộp thành 1481) tờ bản đồ số 22 và thửa đất số 83,1147 (gộp thành 999) tờ bản đồ số 26	Doanh nghiệp	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Xuất nhập khẩu Toàn Thắng Quyết định chủ trương đầu tư số 2021/QĐ-UBND ngày 27/07/2017 của UBND tỉnh

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã	Vị trí: Số tờ, số thửa	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Văn bản pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất					
-	Công ty cổ phần sản xuất gỗ nhân tạo Tiến Phát	SKC	2,84		2,84	CLN	Long Nguyên	Thửa đất số 941, tờ bản đồ số 43	Doanh nghiệp	Công ty cổ phần sản xuất gỗ nhân tạo Tiến Phát	Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 07/06/2017 của UBND tỉnh v/v cho phép Cty CP SX gỗ nhân tạo Tiến Phát được CME sang đất CSSX PNN
-	Chuyển mục đích đất SKC ở các xã (hộ gia đình cá nhân)		34,00		34,00		Các xã				
+	Đăng ký CME đất SKC	SKC	1,00		1,00	CLN	Cây Trường 2				UBND xã đăng ký
+	Đăng ký CME đất SKC	SKC	5,00		5,00	CLN	Trừ Văn Thố				CV 834/UBND-KT ngày 14/04/2017
+	Đăng ký CME đất SKC	SKC	4,00		4,00	CLN	Tân Hưng				UBND xã đăng ký
+	Đăng ký CME đất SKC	SKC	5,00		5,00	CLN	Long Nguyên				UBND xã đăng ký
+	Đăng ký CME đất SKC	SKC	15,00		15,00	CLN	Lai Uyên				UBND xã đăng ký
+	Đăng ký CME đất SKC	SKC	3,00		3,00	CLN	Lai Hưng				UBND xã đăng ký
+	Đăng ký CME đất SKC	SKC	1,00		1,00	CLN	Hưng Hòa				UBND xã đăng ký
IV.	Đất thương mại dịch vụ										
-	Chuyển mục đích đất TMD ở các xã (hộ gia đình cá nhân)		7,50		7,50		Các xã				
+	Đăng ký CME đất TMD	TMD	1,00		1,00	CLN	Cây Trường 2				UBND xã đăng ký
+	Đăng ký CME đất TMD	TMD	1,00		1,00	CLN	Trừ Văn Thố				CV 834/UBND-KT ngày 14/04/2017
+	Đăng ký CME đất TMD	TMD	1,00		1,00	CLN	Tân Hưng				UBND xã đăng ký
+	Đăng ký CME đất TMD	TMD	1,50		1,50	CLN	Long Nguyên				UBND xã đăng ký
+	Đăng ký CME đất TMD	TMD	1,00		1,00	CLN	Lai Uyên				UBND xã đăng ký
+	Đăng ký CME đất TMD	TMD	1,00		1,00	CLN	Lai Hưng				UBND xã đăng ký
+	Đăng ký CME đất TMD	TMD	1,00		1,00	CLN	Hưng Hòa				UBND xã đăng ký
V	Chuyển mục đích đất ONT										
-	Chuyển mục đích đất ONT ở các xã (hộ gia đình cá nhân)		30,30		30,30						
+	Đăng ký CME đất ONT	ONT	2,00		2,00	CLN	Cây Trường 2				UBND xã đăng ký



STT	HẠNG MỤC		Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã	Vị trí: Số tờ, số thửa	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Văn bản pháp lý
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất					
+	Đăng ký CMD đất ONT		12,00		CLN, HNK	Trừ Văn Thố				CV 834/UBND-KT ngày 14/04/2017
+	Đăng ký CMD đất ONT	ONT	1,50	1,50	CLN	Tân Hưng				UBND xã đăng ký
+	Đăng ký CMD đất ONT	ONT	3,50	3,50	CLN, HNK	Long Nguyên				UBND xã đăng ký
+	Đăng ký CMD đất ONT	ONT	6,00	6,00	CLN	Lai Uyên				UBND xã đăng ký
+	Đăng ký CMD đất ONT	ONT	3,50	3,50	CLN, HNK	Lai Hưng				UBND xã đăng ký
+	Đăng ký CMD đất ONT	ONT	2,00	2,00	CLN	Hưng Hòa				UBND xã đăng ký
-	Khu nhà ở Đức Phát	ONT	5,90	5,90	CLN	Lai Uyên	Thửa đất số 110, 111, 607 tờ bản đồ số 37	Doanh nghiệp	Công ty TNHH MTV tư vấn đầu tư Đức Phát	Văn bản số 6042/UBND-KTN ngày 29/12/2017
*	Công trình chuyển tiếp từ KHSDĐ năm 2017									
-	Khu dân cư ấp Bà Tứ	ONT	71,00	71,00	CLN	Cây Trường 2	Tờ bản đồ số 20	Doanh nghiệp	Becamex	Quyết định số 3784/QĐ ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh v/v phê duyệt KHSDĐ năm 2017 huyện Bàu Bàng





PHỤ LỤC 4: DANH MỤC QUỸ ĐẤT SỬ DỤNG THANH TOÁN CHO DỰ ÁN XÂY DỰNG - CHUYỂN GIAO (BT) TRONG NĂM 2018 HUYỆN BÀU BÀNG

Quyết định số: 3823/QĐ-UBND ngày 29 / 12 /2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	HẠNG MỤC	Mã	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Xã	Vị trí: Số tờ, số thửa	Nguồn vốn	Chủ đầu tư	Văn bản pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất					
	Quỹ đất sử dụng thanh toán cho dự án xây dựng - chuyển giao (BT)										
-	Quỹ đất sử dụng thanh toán cho dự án BT		85,00		85,00	CLN	Lai Uyên	Tờ bản đồ số 23,25,37			

